

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-KTNS
V/v triển thực hiện Thông tư
số 48/2023/TT-BTC ngày
12/7/2023 của Bộ Tài chính về
việc hướng dẫn việc quản lý,
sử dụng, khai thác Phần mềm
Quản lý tài sản công

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2023

Kính gửi:

- Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Các Ban Quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

Ngày 12/7/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 48/2023/TT-BTC về việc hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công; Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện các nội dung như sau:

I. Về triển khai nội dung Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính: triển khai đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị một số nội dung hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định tại Điều 1 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính, cụ thể:

1. Thông tư này quy định về việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công (sau đây gọi là Phần mềm).

Tài sản công cập nhật thông tin vào Phần mềm gồm:

a) Tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

c) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Đối tượng áp dụng: quy định tại Điều 2 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

3. Giải thích từ ngữ: về cán bộ quản lý, sử dụng Phần mềm, cán bộ sử dụng Phần mềm tại khoản 4, 5 Điều 3 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính:

4. Cán bộ quản lý, sử dụng Phần mềm (sau đây gọi là cán bộ quản lý) là công chức, viên chức, người lao động của Bộ Tài chính, cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương và Sở Tài chính được Thủ trưởng đơn vị giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng Phần mềm. Việc giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng Phần mềm cho người lao động chỉ áp dụng đối với các tổ chức không có công chức, viên chức.

5. Cán bộ sử dụng Phần mềm (sau đây gọi là cán bộ sử dụng) là công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư này được Thủ trưởng đơn vị giao nhiệm vụ sử dụng Phần mềm để nhập, chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm.

4. Điều kiện sử dụng Phần mềm: về cấp tài khoản và phân quyền quản lý, sử dụng để truy cập vào Phần mềm; tạo một tài khoản và phân quyền sử dụng để truy cập vào Phần mềm quy định tại khoản 3, 4 Điều 4 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính:

3. Mỗi đơn vị nhập dữ liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư này được Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) cấp một tài khoản (bao gồm: tên đăng nhập và mật khẩu) và phân quyền quản lý, sử dụng để truy cập vào Phần mềm.

4. Mỗi đơn vị nhập dữ liệu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư này được cán bộ quản lý tạo một tài khoản (bao gồm: tên đăng nhập và mật khẩu) và phân quyền sử dụng để truy cập vào Phần mềm. Tài khoản của cán bộ sử dụng do Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) duyệt.

5. Quản lý về kỹ thuật: quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính:

2. Cơ quan quản lý công nghệ thông tin của các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Đảm bảo các điều kiện sử dụng Phần mềm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

b) Thực hiện các quy định về kết nối và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng được quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Tuân thủ các quy định về kết nối dữ liệu vào Phần mềm tại Điều 11 và Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Thông báo, phản ánh về tình hình kết nối, khai thác Phần mềm với Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản và Cục Tin học và Thống kê tài chính).

6. Quản lý về nghiệp vụ: quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 6 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính:

2. UBND tỉnh sẽ chỉ đạo việc nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính logic, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu tài sản công của cơ quan tỉnh trong Phần mềm.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm theo quy định của Thông tư này, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có), đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính logic, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Phần mềm.

b) Tạo tài khoản nhập dữ liệu của đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư này; đồng thời có văn bản kèm theo danh sách tài khoản và dự thảo văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để duyệt tài khoản.

d) Tổ chức tập huấn, hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu thuộc phạm vi quản lý thực hiện nhập dữ liệu, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm; khai thác, sử dụng thông tin trong Phần mềm và các nghiệp vụ liên quan khác.

4. Đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện việc nhập, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm; đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính logic, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong Phần mềm.

7. Định danh mã đơn vị đăng ký tài sản trong Phần mềm: quy định tại Điều 7 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

1. Bộ mã đơn vị đăng ký tài sản (sau đây gọi là mã đơn vị ĐKTS) là bộ mã của các đơn vị có tài sản công phải kê khai vào Phần mềm. Bộ mã đơn vị ĐKTS được thiết lập trong Phần mềm bao gồm các mã đơn vị ĐKTS được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp đơn vị có mã quan hệ với ngân sách nhà nước (sau đây gọi là mã QHNS) thuộc Danh mục dùng chung của Bộ Tài chính thì căn cứ màn hình chuyển mã QHNS trong Phần mềm, cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương, giao Sở Tài chính thực hiện chuyển mã QHNS của tất cả các đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước sang mã đơn vị ĐKTS được định danh trong Phần mềm, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ các thông tin của đơn vị.

3. Trường hợp đơn vị có tài sản công phải kê khai vào Phần mềm theo quy định nhưng không có mã QHNS thì Sở Tài chính có trách nhiệm định danh mã đơn vị ĐKTS của đơn vị đó vào Phần mềm để thực hiện kê khai.

4. Việc định danh mã đơn vị ĐKTS trong Phần mềm thực hiện theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng Phần mềm được đăng tải trên Phần mềm theo đường dẫn truy cập là <https://qltsc.mof.gov.vn>.

Mã đơn vị ĐKTS trong Phần mềm gồm có Đơn vị tổng hợp (là đơn vị không trực tiếp kê khai tài sản) và Đơn vị đăng ký (là đơn vị trực tiếp kê khai tài sản). Việc gán mã đơn vị ĐKTS được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Mã đơn vị ĐKTS bậc 1 gồm 3 ký tự: Dùng để quy định cho các đơn vị là Bộ, cơ quan trung ương **hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**. Mã đơn vị ĐKTS bậc 1 được Bộ Tài chính gán cố định trong Phần mềm theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. **Ví dụ: Mã đơn vị ĐKTS của tỉnh Đồng Nai là “T22”.**

b) Mã đơn vị ĐKTS bậc 2 gồm 6 ký tự: Trong đó 3 ký tự đầu là mã đơn vị ĐKTS bậc 1; 3 ký tự tiếp theo được gán tăng dần, bắt đầu từ 001 đến 999 để quy định cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp Bộ, cơ quan trung ương (như: Văn phòng Bộ, Tổng cục, Cục thuộc Bộ); các đơn vị trực thuộc trực tiếp cấp tỉnh (như: Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Mã đơn vị ĐKTS bậc 3 gồm 9 ký tự: Trong đó 6 ký tự đầu là mã đơn vị ĐKTS bậc 2; 3 ký tự tiếp theo được gán tăng dần, bắt đầu từ 001 đến 999 để quy định cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp các đơn vị được định danh mã đơn vị ĐKTS bậc 2 như: Văn phòng Tổng cục, các Cục thuộc Tổng cục hoặc các đơn vị trực thuộc trực tiếp các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (như: Văn phòng Sở; Bệnh viện thuộc Sở Y tế); các đơn vị trực thuộc trực tiếp quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh (như: Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện); các phòng, ban trực thuộc huyện (như: Phòng Giáo dục và Đào tạo); các xã/phường/thị trấn.

d) Mã đơn vị ĐKTS bậc 4 gồm 12 ký tự: Trong đó 9 ký tự đầu là mã đơn vị ĐKTS bậc 3; 3 ký tự tiếp theo được gán tăng dần, bắt đầu từ 001 đến 999 để quy định cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp các đơn vị được định danh mã đơn vị ĐKTS bậc 3 như: Văn phòng các Cục thuộc Tổng cục, các Chi cục thuộc Cục thuộc Tổng cục hoặc các đơn vị trực thuộc trực tiếp các Phòng, ban trực thuộc huyện (như: Trường Trung học cơ sở, Trường Tiểu học trực thuộc trực tiếp Phòng Giáo dục và Đào tạo).

đ) Mã đơn vị ĐKTS bậc 5 (nếu cần quy định) gồm 15 ký tự: Việc gán mã đơn vị ĐKTS bậc 5 được thực hiện theo nguyên tắc nêu trên.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, rà soát mã đơn vị ĐKTS để tránh bị trùng lặp, kịp thời cập nhật thông tin đơn vị nếu có quyết định chấm dứt hoạt động, giải thể, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên đơn vị.

8. Đơn vị nhập dữ liệu và tạo tài khoản đơn vị nhập dữ liệu: quy định tại Điều 8 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

1. Đơn vị nhập dữ liệu:

a) Sở Tài chính.

b) Sở, ban, ngành và các tổ chức tương đương cấp tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện. Căn cứ tình hình thực tế Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt danh sách cụ thể đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Sở Tài chính.

2. Tạo tài khoản đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu

a) Nguyên tắc tạo tài khoản đơn vị nhập dữ liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: Tên đăng nhập gồm 04 ký tự bắt buộc, trong đó 03 ký tự đầu tiên là mã đơn vị ĐKTS bậc 1 được định danh trong Phần mềm, ký tự 4 là ký tự đặc biệt “_”; các ký tự tiếp theo là ký tự chữ hoặc số do cán bộ quản lý quy định để dễ phân biệt các đơn vị. Mật khẩu đăng nhập gồm tối thiểu 8 ký tự, trong đó bao gồm chữ cái in hoa, chữ cái in thường, số và ký tự đặc biệt.

b) Nguyên tắc tạo tài khoản đơn vị nhập dữ liệu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Tên đăng nhập gồm 07 ký tự bắt buộc, trong đó 06 ký tự đầu tiên là mã đơn vị ĐKTS bậc 2 được định danh trong Phần mềm, ký tự 7 là ký tự đặc biệt “_”; các ký tự tiếp theo là ký tự chữ hoặc số do cán bộ quản lý quy định để dễ phân biệt các đơn vị. Mật khẩu đăng nhập gồm tối thiểu 8 ký tự, trong đó bao gồm chữ cái in hoa, chữ cái in thường, số và ký tự đặc biệt.

9. Nhập dữ liệu tài sản vào Phần mềm: quy định tại Điều 9 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

1. Thông tin dữ liệu tài sản công cập nhật vào Phần mềm là thông tin tại báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thông tin dữ liệu tài sản công cập nhật vào Phần mềm bao gồm:

a) Thông tin báo cáo kê khai lần đầu, báo cáo kê khai bổ sung, báo cáo kê khai tài sản sử dụng chung, báo cáo kê khai sử dụng tài sản công vào các mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết, khai thác theo hình thức khác, báo cáo kê khai thay đổi thông tin, báo cáo kê khai thông tin xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo các Mẫu số: 04a-ĐK/TSC, 04b-ĐK/TSC, 04c-ĐK/TSC, 04d-ĐK/TSC, 04đ-ĐK/TSC, 04e-ĐK/TSC, 04g-ĐK/TSC, 04h-ĐK/TSC, 04i-ĐK/TSC, 06a-ĐK/TSC, 06b-ĐK/TSC, 06c-ĐK/TSC, 06d-ĐK/TSC, 07-ĐK/TSC ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Thông tin báo cáo kê khai, báo cáo thay đổi thông tin, báo cáo kê khai thông tin xử lý của tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo các Mẫu số: 05a-ĐK/TSDA, 05b-ĐK/TSDA, 05c-ĐK/TSDA, 06a-ĐK/TSC, 06b-ĐK/TSC, 06c-ĐK/TSC, 06d-ĐK/TSC, 07-ĐK/TSC ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Thông tin báo cáo kê khai tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thực hiện theo các Mẫu số: 01-KK/TSXL, 02-PAXL/TSXL, 03-KQXL/TSXL, 04-KQTC/TSXL ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại các điểm a, b và c khoản này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Nhập dữ liệu:

Căn cứ báo cáo kê khai tại khoản 2 Điều này, các hồ sơ kèm theo hoặc File dữ liệu (scan bản gốc), chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân, cán bộ sử dụng thực hiện nhập dữ liệu tài sản vào Phần mềm đảm bảo tính logic, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu, đồng thời thực hiện việc kiểm tra, chuẩn hoá thường xuyên hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp dữ liệu tại báo cáo kê khai chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc không logic thì đơn vị nhập dữ liệu yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân rà soát, chỉnh lý và gửi lại báo cáo kê khai để thực hiện nhập dữ liệu vào Phần mềm.

10. Duyệt dữ liệu tài sản trên Phần mềm: quy định tại Điều 10 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

1. Chậm nhất là 07 ngày làm việc, kể từ ngày dữ liệu được nhập vào Phần mềm và Sở Tài chính nhận được báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân, cán bộ quản lý có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu dữ liệu giữa báo cáo kê khai và dữ liệu đã nhập vào Phần mềm để thực hiện duyệt dữ liệu đối với:

a) Tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án là đất, nhà, xe ô tô hoặc tài sản cố định khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

b) Các tài sản trong từng Quyết định tịch thu hoặc Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này, sau khi cán bộ sử dụng nhập dữ liệu vào Phần mềm thành công thì mọi thông tin về tài sản là dữ liệu chính thức, không phải thực hiện duyệt dữ liệu đối với các tài sản này.

11. Khai thác, sử dụng thông tin: quy định tại Điều 12 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

1. Việc khai thác, sử dụng thông tin trong Phần mềm thực hiện theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu có quyền khai thác, sử dụng thông tin về tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong Phần mềm.

4. Thông tin khai thác từ Phần mềm được sử dụng để:

a) Phục vụ công tác lập kế hoạch (ngắn hạn, dài hạn), công tác chỉ đạo, điều hành, báo cáo, phân tích dự báo của Chính phủ, của Bộ Tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Làm căn cứ để lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, giám sát việc giao đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý tài sản công.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Phần mềm và sử dụng thông tin lưu giữ trong Phần mềm vào các mục đích được quy định tại khoản 4 Điều này.

II. Để tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Giao Sở Tài chính:

- Nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm theo quy định của Thông tư, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có), đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính logic, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Phần mềm theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

- Tạo tài khoản nhập dữ liệu của đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư; đồng thời có văn bản kèm theo danh sách tài khoản và văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để duyệt tài khoản theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

- Tổ chức tập huấn, hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu thuộc phạm vi quản lý thực hiện nhập dữ liệu, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm; khai thác, sử dụng thông tin trong Phần mềm và các nghiệp vụ liên quan khác khoản theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện rà soát mã đơn vị ĐKTS để tránh bị trùng lặp, kịp thời cập nhật thông tin đơn vị nếu có quyết định chấm dứt hoạt động, giải thể, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên đơn vị theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

2. Giao Sở Thông tin và truyền thông: tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc quản lý về kỹ thuật sử dụng Phần mềm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ Tài chính.

3. Giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị: các đơn vị được phân cấp nhập dữ liệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện việc nhập, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm; đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính logic, thống nhất, đầy đủ, kịp thời, bảo mật của dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong Phần mềm.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh (**thông qua Sở Tài chính**)/.

Q. CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, Phó Văn phòng KTNS;
- Lưu: VT, KTNS.

Võ Tấn Đức